

Số: 1928 /QĐ-SYT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện huyện Bình Chánh do bác sĩ Tổng Quốc Đăng Khoa chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Bộ Y tế về Quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật;

Căn cứ Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT;

Căn cứ Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 29 tháng 08 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Y tế thành phố;

Căn cứ Quyết định số 4406/QĐ-SYT ngày 25 tháng 6 năm 2020 của Sở Y tế về việc ban hành quy trình ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thẩm định và phê duyệt danh mục kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 8972/QĐ-SYT ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Sở Y tế về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế; Quyết định số 8973/QĐ-SYT ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Sở Y tế về việc kiện toàn thành viên Hội đồng chuyên môn kỹ thuật của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 03212/HCM-GPHĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019, của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp đối với Bệnh viện huyện Bình Chánh do bác sĩ Tổng Quốc Đăng Khoa chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật;

V.T.



Căn cứ hồ sơ số H29.19-231031-0031 ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Bệnh viện Huyện Bình Chánh đề nghị phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh do bác sĩ Tổng Quốc Đăng Khoa chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế ngày 18 tháng 12 năm 2023 thẩm định danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện Huyện Bình Chánh do bác sĩ Tổng Quốc Đăng Khoa chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật;

Theo đề nghị của Phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế, thực hiện tại Bệnh viện Huyện Bình Chánh do bác sĩ Tổng Quốc Đăng Khoa chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật, địa chỉ số 01 Đường số 1, Khu trung tâm hành chính, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (gồm 104 kỹ thuật, danh mục đính kèm).

Điều 2. Danh mục chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt là căn cứ pháp lý cho việc thực hiện kỹ thuật, chuyển tuyến, thanh toán chi phí khám, chữa bệnh và là cơ sở để đơn vị phân đấu phát triển chuyên môn kỹ thuật.

Điều 3. Giám đốc Bệnh viện Huyện Bình Chánh và bác sĩ Tổng Quốc Đăng Khoa chịu trách nhiệm đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt theo đúng các quy định chuyên môn và quy trình kỹ thuật. Khi không đủ điều kiện thực hiện kỹ thuật đã được phê duyệt thì đơn vị phải chuyển người bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thích hợp để điều trị.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chức năng thuộc Sở, Chánh Thanh tra Sở, các tổ chức, cá nhân có liên quan, Giám đốc Bệnh viện Huyện Bình Chánh và bác sĩ Tổng Quốc Đăng Khoa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Ban Giám đốc Sở;
- Công Thông tin điện tử SYT;
- Lưu: VT, NVY (TPDT).



Nguyễn Anh Dũng

**DANH MỤC KỸ THUẬT ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN TẠI BỆNH VIỆN
HUYỆN BÌNH CHÁNH DO BÁC SĨ TỔNG QUỐC ĐĂNG KHOA CHỊU
TRÁCH NHIỆM CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT**

(Kèm theo Quyết định số: 1928 /QĐ-SYT ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Sở Y tế)

TT	TT43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
		A. TUẦN HOÀN				
1.	16	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục ≤ 8 giờ	x	x		
2.	17	Đo áp lực động mạch xâm nhập liên tục ≤ 8 giờ	x	x		
3.	21	Siêu âm dẫn đường đặt catheter động mạch cấp cứu	x	x	x	
4.	29	Đo độ bão hoà oxy tĩnh mạch trung tâm (ScvO2)	x	x		
5.	30	Đo độ bão hoà oxy tĩnh mạch cảnh (SjvO2)	x	x		
6.	31	Đo độ bão hoà oxy tĩnh mạch trộn (SvO2)				
		B. HÔ HẤP				
7.	63	Thở oxy qua mặt nạ venturi (≤ 8 giờ)	x	x	x	
8.	65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
9.	83	Theo dõi ETCO2 ≤ 8 giờ	x	x		
10.	84	Thăm dò CO2 trong khí thở ra	x	x	x	
11.	145	Cai thở máy bằng phương thức SIMV ≤ 8 giờ	x	x	x	
12.	146	Cai thở máy bằng phương thức PSV ≤ 8 giờ	x	x	x	
13.	151	Kỹ thuật thử nghiệm tự thở CPAP	x	x	x	
14.	154	Theo dõi các thông số cơ học phổi ≤ 8 giờ	x	x	x	
		C. THẬN - LỌC MÁU				
15.	172	Đặt catheter lọc máu cấp cứu	x	x		
		D. THẬN KINH				
16.	202	Chọc dịch tuỷ sống	x	x	x	
17.	214	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x	x	
		Đ. TIÊU HOÁ				
18.	230	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch trung tâm ≤ 8 giờ	x	x	x	
19.	238	Đo áp lực ổ bụng	x	x	x	
		E. TOÀN THÂN				

44

20.	253	Lấy máu tĩnh mạch bẹn	X	X	X	X
21.	280	Vận chuyển người bệnh nặng có thở máy	X	X	X	
		G. XÉT NGHIỆM				
22.	282	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm	X	X	X	
23.	287	Đo lactat trong máu	X	X	X	
		XV. TAI MŨI HỌNG				
		Đ. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH - THẨM MỸ				
24.	309	Phẫu thuật thẩm mỹ nâng sống mũi lõm bằng vật liệu ghép tổng hợp	X	X		
25.	318	Phẫu thuật tạo hình cánh mũi bằng vật da	X	X		
26.	319	Phẫu thuật tạo hình chóp mũi bằng vật da	X	X		
27.	326	Phẫu thuật cắt bỏ da thừa mi mắt	X	X		
28.	331	Phẫu thuật cắt u da vùng mặt	X	X		
29.	332	Phẫu thuật sửa sẹo xấu vùng cổ, mặt bằng vật da	X	X		
30.	333	Phẫu thuật thẩm mỹ hút mỡ cổ	X	X		
31.	343	Phẫu thuật thẩm mỹ hút mỡ cằm	X	X		
32.	345	Phẫu thuật lấy sụn vành tai làm vật liệu ghép tự thân	X	X		
33.	346	Phẫu thuật lấy sụn vách ngăn mũi làm vật liệu ghép tự thân	X	X		
34.	347	Phẫu thuật lấy sụn sườn làm vật liệu ghép tự thân	X	X		
35.	349	Phẫu thuật mở lại hốc mỗ điều trị tụ dịch sau phẫu thuật thẩm mỹ vùng mặt cổ	X	X		
36.	350	Phẫu thuật tạo hình khuyết bộ phận vành tai bằng vật da	X	X		
37.	355	Phẫu thuật chỉnh hình thu nhỏ vành tai	X	X		
		XVIII. ĐIỆN QUANG				
		D. CHỤP CỘNG HƯỞNG TỪ (Cộng hưởng từ)				
38.	296	Chụp cộng hưởng từ sọ não	X	X		
39.	297	Chụp cộng hưởng từ sọ não có tiêm chất tương phản	X	X		
40.	298	Chụp cộng hưởng từ não- mạch não không tiêm chất tương phản	X	X		
41.	299	Chụp cộng hưởng từ não- mạch não có tiêm chất tương phản	X	X		
42.	300	Chụp cộng hưởng từ hệ mạch cổ không tiêm chất tương phản	X	X		

22

43.	301	Chụp cộng hưởng từ hệ mạch cổ có tiêm chất tương phản	x	x		
44.	302	Chụp cộng hưởng từ tuyến yên có tiêm chất tương phản (khảo sát động học)	x	x		
45.	303	Chụp cộng hưởng từ hốc mắt và thần kinh thị giác	x	x		
46.	304	Chụp cộng hưởng từ hốc mắt và thần kinh thị giác có tiêm chất tương phản	x	x		
47.	308	Chụp cộng hưởng từ khuếch tán (DWI - Diffusion-weighted Imaging)	x	x		
48.	310	Chụp cộng hưởng từ vùng mặt – cổ	x	x		
49.	311	Chụp cộng hưởng từ vùng mặt – cổ có tiêm tương phản	x	x		
50.	316	Chụp cộng hưởng từ tuyến vú	x	x		
51.	317	Chụp cộng hưởng từ tuyến vú động học có tiêm tương phản	x	x		
52.	319	Chụp cộng hưởng từ tầng bụng không tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ gan-mật, tụy, lách, thận, dạ dày-tá tràng...)	x	x		
53.	320	Chụp cộng hưởng từ tầng bụng có tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ gan-mật, tụy, lách, thận, dạ dày-tá tràng...)	x	x		
54.	321	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu (gồm: chụp cộng hưởng từ tử cung-phần phụ, tiền liệt tuyến, đại tràng chậu hông, trực tràng, các khối u vùng chậu...)	x	x		
55.	322	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu dò hậu môn	x	x		
56.	323	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu có tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ tử cung-phần phụ, tiền liệt tuyến, đại tràng chậu hông, trực tràng, các khối u vùng chậu...)	x	x		
57.	324	Chụp cộng hưởng từ bìu, dương vật	x	x		
58.	325	Chụp cộng hưởng từ bìu, dương vật có tiêm chất tương phản	x	x		
59.	326	Chụp cộng hưởng từ động học sàn chậu, tổng phân (defecography-MR)	x	x		
60.	329	Chụp cộng hưởng từ tuyến tiền liệt có tiêm tương phản	x	x		
61.	335	Chụp cộng hưởng từ cột sống cổ có tiêm tương phản	x	x		
62.	337	Chụp cộng hưởng từ cột sống ngực có tiêm tương phản	x	x		
63.	339	Chụp cộng hưởng từ cột sống thắt lưng - cùng có tiêm tương phản	x	x		
64.	340	Chụp cộng hưởng từ khớp	x	x		



65.	341	Chụp cộng hưởng từ khớp có tiêm tương phản tĩnh mạch	x	x		
66.	345	Chụp cộng hưởng từ phần mềm chi	x	x		
67.	346	Chụp cộng hưởng từ phần mềm chi có tiêm tương phản	x	x		
		XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU				
		D. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU				
68.	257	Định danh kháng thể bất thường (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
69.	260	Sàng lọc kháng thể bất thường (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
70.	269	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 220C (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
71.	272	Phản ứng hòa hợp ở điều kiện 370C (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
72.	275	Phản ứng hoà hợp có sử dụng kháng globulin người (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
73.	278	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
74.	290	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
75.	296	Xác định kháng nguyên D yếu của hệ Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard)	x	x		
76.	302	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
77.	306	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
		XXVIII. TẠO HÌNH - THẨM MỸ				
		A. TẠO HÌNH VÙNG ĐẦU - MẶT - CỔ				
78.	10	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu từ 2cm trở lên	x	x	x	
79.	14	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da dày	x	x	x	
80.	29	Phẫu thuật độn khuyết xương sọ bằng chất liệu nhân tạo	x	x		
81.	31	Phẫu thuật tái tạo trán lõm bằng xi măng xương	x	x		
82.	38	Phẫu thuật tạo vạt da tại chỗ cho vết thương khuyết da mi	x	x		
83.	44	Phẫu thuật treo mi lên cơ trán điều trị sụp mi	x	x		
84.	50	Khâu cơ kéo mi dưới để điều trị lật mi dưới	x	x		

1/2

85.	95	Phẫu thuật cắt bỏ u lành tính vùng mũi (dưới 2cm)	x	x		
86.	98	Phẫu thuật sửa cánh mũi trong sẹo khe hở môi đơn	x	x		
87.	122	Phẫu thuật chỉnh sửa lệch miệng do liệt thần kinh VII	x	x		
88.	125	Phẫu thuật tạo hình biến dạng môi trong sẹo khe hở môi một bên	x	x		
89.	159	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vành tai	x	x		
90.	174	Phẫu thuật vết thương vùng hàm mặt do hoá khí	x	x		
91.	228	Cắt u thần kinh vùng hàm mặt	x	x		
92.	230	Cắt u da lành tính vùng hàm mặt	x	x		
93.	235	Ghép mỡ tự thân coleman	x	x	x	
94.	238	Phẫu thuật lấy bỏ chất liệu ghép nhân tạo vùng đầu mặt	x	x		
95.	239	Phẫu thuật lát bỏ chất silicon lỏng vùng mặt cổ	x	x		
96.	240	Phẫu thuật lấy bỏ chất liệu độn vùng mặt cổ	x	x		
		B. TẠO HÌNH VÙNG THÂN MÌNH				
97.	252	Phẫu thuật tái nướu vú bằng vật tại chỗ	x	x		
98.	254	Phẫu thuật treo vú sa trĩ	x	x		
99.	255	Phẫu thuật thu nhỏ vú sa trĩ	x	x		
100.	257	Phẫu thuật giải phóng sẹo bóng co kéo vú	x	x		
101.	265	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú phụ	x	x	x	
102.	269	Phẫu thuật cắt vú to ở đàn ông	x	x	x	
		E. THẨM MỸ				
103.	489	Laser điều trị đôi môi	x	x	x	
104.	490	Laser điều trị nếp nhăn	x	x	x	

1 NĂM

1/1

